TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Bà Trần Thị Thịnh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 12/2023/TLST - HNGĐ ngày 06/02/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 2000; Nơi ĐKHKTT: Thôn TP, xã TN, huyện TH, tỉnh TH1; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã ĐY, huyện YD, tỉnh TH1; Chị H có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Anh Trịnh Thế C, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn TP, xã TN, huyện TH, tỉnh TH1;

Anh C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2023, bản tự khai ngày 20/02/202, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng H trình bày:

Giữa nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng H và bị đơn là anh Trịnh Thế C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh TH1 vào ngày 13/5/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng C sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01 năm 2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C không tu chí làm ăn, cờ bạc nợ nần

nhiều, mặt khác mâu thuẫn giữa nguyên đơn và gia đình nhà chồng, dẫn đến vợ chồng luôn cãi vã bất đồng quan điểm xúc phạm nhau, việc tranh giành nuôi con C dẫn đến hai bên gia đình xô sát nhau, nên chị H phải về bên ngoại ở huyện Yên Định ở từ cuối tháng 01 năm 2023; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Thế C.

Về con C: Vợ chồng có 01 con C là cháu Trịnh Anh Tú, sinh ngày 11/01/2022, ly hôn chị H đề nghị được nuôi con C không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con C cùng chị H.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ anh Trịnh Thế C nhiều lần đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa nhưng anh C không đến nên không có bản khai, không có ý kiến của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Anh Trịnh Thế C là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại huyện TH vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, do đó căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H và anh Trịnh Thế C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình C sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị H trình bày là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, có mâu thuẫn về kinh tế; Tòa án đã mở phiên hòa giải, mở phiên tòa và triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh C không có mặt, Điều này chứng tỏ, anh C cũng không tha thiết níu kéo hôn nhân, hai bên sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con C: Theo chị H vợ chồng có 01 con C là cháu Trịnh Anh Tú, sinh ngày 11/01/2022, chị H xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Trịnh Anh Tú có ghi họ tên bố là anh Trịnh Thế C họ tên mẹ là chị Lê Thị Hồng H, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Trịnh Anh Tú, sinh ngày 11/01/2022, là con C của chị H và anh C. Chị H đề nghị được nuôi cháu Tú, theo quy định tại Khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân gia đình: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều*

kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con", thấy rằng chị H là mẹ của cháu Tú, không vi phạm nghĩa vụ làm mẹ, nên cần giao cháu Tú cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng đây là sự tự nguyện nên ghi nhận sự tự nguyện này của chị H.

[4]. Về tài sản và công nợ: Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của anh C, đối với phần tài sản giữa anh C và chị H nếu có tài sản sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng H được ly hôn anh Trịnh Thế C.

2. Về con C: Giao con C là cháu Trịnh Anh Tú, sinh ngày 11/01/2022 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trịnh Thế C không phải cấp dưỡng nuôi con C cùng chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng H phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2021/0006112 ngày 06/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- TAND tỉnh TH1;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Trần Thị Thịnh** **Hoàng Văn Đạt**